

Số: 972 /QĐ-UBND

Minh Hưng, ngày 05 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Cải tạo, sửa chữa 24 phòng học và 02 phòng giáo viên, nhà vệ sinh, sân vườn và hệ thống thoát nước trường tiểu học Minh Hưng A

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH 15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/09/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BXD ngày 30/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 25/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 26/02/2024 của Bộ Xây dựng về Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 06/02/2025 của Bộ Xây dựng hợp nhất Nghị định hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành;

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-SoXD ngày 30/12/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá, nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-SoXD ngày 14/7/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3336/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng về việc Công bố giá vật liệu xây dựng tại các mỏ từ tháng 4/2026; Công văn số 3444/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 07/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Công bố giá vật liệu xây dựng tại các mỏ từ tháng 04/2026, tiếp theo Văn bản công bố giá tại mỏ số 3336/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng; Công văn số 4045/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 18/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng tại các mỏ từ tháng 04/2026 (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Công văn số 3342/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 03/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 3 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND phường Minh Hưng về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Minh Hưng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND phường Minh Hưng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Minh Hưng;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND phường Minh Hưng về chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa 24 phòng học và 02 phòng giáo viên, nhà vệ sinh, sân vườn và hệ thống thoát nước trường tiểu học Minh Hưng A;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 628/TTr-P.KTHTĐT ngày 05/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Cải tạo, sửa chữa 24 phòng học và 02 phòng giáo viên, nhà vệ sinh, sân vườn và hệ thống thoát nước trường tiểu học Minh Hưng A:

1. Tên dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): Cải tạo, sửa chữa 24 phòng học và 02 phòng giáo viên, nhà vệ sinh, sân vườn và hệ thống thoát nước trường tiểu học Minh Hưng A.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm C, loại công trình dân dụng.

3. Mã số thông tin công trình: Chưa có mã số thông tin công trình.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Minh Hưng.

5. Chủ đầu tư: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Minh Hưng.

6. Địa điểm xây dựng: Trường tiểu học Minh Hưng A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai (nay là Trường tiểu học Minh Hưng A, phường Minh Hưng, TP. Đồng Nai).

7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn Đức Long BP.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, bảo đảm an toàn công trình và điều kiện dạy học; nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có; từng bước hoàn thiện tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia và đáp ứng tiêu chí giáo dục trong xây dựng nông thôn mới nâng cao của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Khối 08 phòng học:

● Hiện trạng:

- Mái ngói đã cũ, đóng rêu mốc. Nhiều vị trí ngói bị bể, thấm dột. Sê nô mái bị thấm dột;

- Tường, dầm, trần, cột trong và ngoài công trình đã cũ, bong tróc sơn, hoen ố;

- Tường mặt trước ốp gạch ceramic bong tróc một số vị trí gây mất an toàn;

- Trần nhựa khu vực cầu thang và trần tole trong các phòng học tầng 2 hiện hữu đã cũ, xuống cấp, rơi mất nhiều vị trí;

- Hệ thống cửa sắt bong tróc sơn, hoen gỉ và một số cửa có kính bị bể;

- Bục giảng hiện hữu kích thước nhỏ, gây bất tiện trong quá trình giảng dạy;

- Hệ thống lan can xuống cấp, cũ, bong tróc sơn;

- Nền nhà đã sụt lún một số vị trí, gạch lát 200x200mm đã cũ, bong rộp và chưa có gạch len chân tường;

- Hệ thống điện đã hư hỏng nhiều.

● Cải tạo:

- Tháo dỡ toàn bộ ngói, hệ xà gồ, cầu phong, li tô mái hiện trạng. Đảo ngói và Tận dụng lại 60% ngói để lợp lại theo thiết kế mới; Phần xà gồ, cầu

phong, li tô hiện hữu tận dụng lại 70% cạo rỉ và sơn 3 lớp chống rỉ; Thay mới 40% ngói và 30% kết cấu thép mái rỉ sét theo thiết kế chi tiết lợp phủ sê nô mái; Phá dỡ phần sê nô thừa ở 2 đầu hồi;

- Nâng cao tường thu hồi hiện hữu bằng gạch ống 8x8x19mm, trát VXM M75;
- Cột và sê nô ốp gạch ceramic ngoài nhà: Vệ sinh, sửa chữa một số vị trí hư hỏng, rơi vỡ;
- Tường, dầm, trần trong và ngoài nhà:
 - + Tường ngoài: Cạo bỏ 70% lớp sơn hiện hữu, vệ sinh tường 30%, bả bột mastic 70% tường cạo, sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ hoàn thiện 100% diện tích tường;
 - + Tường trong và trần: Cạo bỏ 60% lớp sơn hiện hữu, vệ sinh tường 40%, bả bột mastic 60% tường cạo, sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ hoàn thiện 100% diện tích tường;
- Tháo dỡ trần nhựa và tole cũ tầng lầu hiện hữu. Thay mới trần nhựa khung nổi KT 600x600mm;
- Hệ thống cửa: Tháo dỡ toàn bộ cửa đi và cửa sổ hiện hữu, thay mới bằng cửa nhôm xingfa;
- Lan can:
 - + Lan can trệt: Đục bỏ lớp Granito trên bề mặt lan can, ốp đá granite. Phá dỡ phần gạch ốp tường lan can, trát lại các vị trí tháo dỡ, bả bột rồi sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ;
 - + Lan can lầu: Tháo dỡ hệ khung lưới thép và phá dỡ lan can hiện hữu, xây lại lan can mới theo thiết kế chi tiết;
 - + Lan can cầu thang: Tháo dỡ lan can hiện hữu, xây lại lan can mới theo thiết kế chi tiết;
- Phá dỡ bậc giăng hiện hữu đến code nền và hoàn thiện cùng code nền;
- Tháo dỡ toàn bộ gạch nền nhà, lớp granito ở bậc cấp và bậc cầu thang hiện hữu. Thay mới bằng gạch ceramic 600x600mm, bậc cấp hành lang và bậc thang ốp đá granite; Ốp len chân tường trong phòng học và hành lang;
- Tháo dỡ và làm mới hệ thống điện.

b) Khối 04 phòng học lớp 1:

● Hiện trạng:

- Mái phòng học lợp ngói đã cũ, đóng rêu mốc. Nhiều vị trí ngói bị bể, thấm dột. Sê nô mái bị thấm dột;
- Tường, dầm, trần, cột trong và ngoài công trình đã cũ, bong tróc sơn, hoen ố
- Trần thạch cao trong các phòng học tầng 2 và cầu thang hiện hữu đã cũ, xuống cấp, rơi mất nhiều vị trí;

- Hệ thống cửa sắt, bong tróc sơn, hoen rỉ và một số cửa có kính bị bể;
- Bục giảng hiện hữu kích thước nhỏ, gây bất tiện trong quá trình giảng dạy;
- Hệ thống lan can xuống cấp, cũ, bong tróc sơn;
- Nền nhà đã sụt lún một số vị trí, gạch lát 200x200mm đã cũ, bong rộp và chưa có gạch len chân tường;
- Hệ thống điện đã hư hỏng nhiều.

● **Cải tạo:**

- Tháo dỡ toàn bộ ngói, hệ xà gồ, cầu phong, li tô mái hiện trạng. Đảo ngói và Tận dụng lại 60% ngói để lợp lại theo thiết kế mới; Phần xà gồ, cầu phong, li tô hiện hữu tận dụng lại 70% cạo rỉ và sơn 3 lớp chống rỉ; Thay mới 40% ngói và 30% kết cấu thép mái rỉ sét theo thiết kế chi tiết lợp phủ sê nô mái;
- Nâng cao tường thu hồi hiện hữu bằng gạch ống, trát VXM M75;
- Tường, dầm, trần trong và ngoài nhà:
 - + Tường ngoài: Cạo bỏ 70% lớp sơn hiện hữu, vệ sinh tường 30%, bả bột mastic 70% tường cạo, sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ hoàn thiện 100% diện tích tường;
 - + Tường trong và trần: Cạo bỏ 60% lớp sơn hiện hữu, vệ sinh tường 40%, bả bột mastic 60% tường cạo, sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ hoàn thiện 100% diện tích tường;
- Tháo dỡ trần thạch cao hiện hữu. Thay mới trần nhựa khung nổi 600x600mm;
- Hệ thống cửa: Tháo dỡ toàn bộ cửa và vách kính hiện hữu, thay mới bằng cửa và vách kính nhôm xingfa;
- Lan can:
 - + Lan can tầng trệt: Tháo dỡ lan can ô thoáng, cấy thép liên kết để xây bít lại bằng gạch ống theo thiết kế chi tiết. Cạo lớp sơn trên bề mặt hiện hữu, bả bột và sơn nước hoàn thiện lại tường lan can. Lắp dựng thêm tay vịn inox 340 trên thành lan can;
 - + Lan can tầng lầu: Tháo dỡ lan can ô thoáng, cấy thép liên kết để xây bít lại ô thoáng và xây nâng cao tường lan can bằng gạch ống theo thiết kế chi tiết. Cạo lớp sơn trên bề mặt hiện hữu, bả bột và sơn nước hoàn thiện lại tường lan can. Lắp dựng thêm tay vịn inox 340 trên thành lan can;
 - + Lan can cầu thang: Tháo dỡ lan can hiện hữu, xây lại lan can mới theo thiết kế;
- Phá dỡ bục giảng hiện hữu đến code nền và hoàn thiện cùng code nền;
- Tháo dỡ toàn bộ gạch nền nhà, lớp granito ở bậc cấp và bậc cầu thang hiện hữu. Thay mới bằng gạch ceramic 600x600mm, bậc cấp hành lang và bậc thang ốp đá granite; Ốp len chân tường trong phòng học và hành lang;
- Tháo dỡ và làm mới hệ thống điện.

c) Khối 08 phòng học và 02 phòng giáo viên:

● Hiện trạng:

- Mái phòng học lợp ngói đã cũ, đóng rêu mốc, nhiều vị trí ngói bị bể, thấm dột. Sê nô mái bị thấm dột;
- Tường, dầm, trần, cột trong và ngoài công trình đã cũ, bong tróc sơn, hoen ố;
- Trần thạch cao trong các phòng học tầng 2 hiện hữu đã cũ, xuống cấp, rơi mất nhiều vị trí;
- Hệ thống cửa sắt, bong tróc sơn, hoen rỉ và một số cửa có kính bị bể;
- Bục giảng hiện hữu kích thước nhỏ, gây bất tiện trong quá trình giảng dạy;
- Hệ thống lan can thép hộp đã xuống cấp, rỉ sét;
- Nền nhà đã sụt lún một số vị trí, gạch lát 400x400mm đã cũ, bong rộp và chưa có gạch len chân tường;
- Hệ thống điện đã hư hỏng nhiều.

● Cải tạo:

- Tháo dỡ toàn bộ ngói, hệ xà gồ, cầu phong, li tô mái hiện trạng. Đảo ngói và Tận dụng lại 60% ngói để lợp lại theo thiết kế mới; Phần xà gồ, cầu phong, li tô hiện hữu tận dụng lại 70% cạo rỉ và sơn 3 lớp chống rỉ; Thay mới 40% ngói và 30% kết cấu thép mái rỉ sét theo thiết kế chi tiết lợp phủ sê nô mái;
- Nâng cao tường thu hồi hiện hữu bằng gạch ống, trát VXM M75;
- Tường, dầm, trần trong và ngoài nhà: Cạo bỏ 80% lớp sơn hiện hữu, vệ sinh tường 20%, bả bột mastic 80% tường cao, sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ hoàn thiện 100% tường;
- Tháo dỡ trần thạch cao hiện hữu. Thay mới trần nhựa khung nổi 600x600mm;
- Hệ thống cửa: Tháo dỡ toàn bộ cửa hiện hữu, thay mới bằng cửa nhôm xingfa;
- Lan can:
 - + Lan can trệt và lầu: Tháo dỡ toàn bộ lan can sắt hiện hữu, xây tường lan can mới theo thiết kế, tay vịn inox;
 - + Lan can cầu thang: Phá dỡ tường lan can cũ, xây tường lan can mới theo thiết kế, tay vịn inox;
- Phá dỡ bục giảng hiện hữu đến code nền và hoàn thiện cùng code nền;
- Tháo dỡ toàn bộ gạch nền nhà, lớp granito ở bậc cấp và bậc cầu thang hiện hữu. Thay mới bằng gạch ceramic 600x600mm, bậc cấp hành lang và bậc thang ốp đá granite; Ốp len chân tường trong phòng học và hành lang;
- Tháo dỡ và làm mới hệ thống điện.

d) Khối 04 phòng lớp 5:

- Hiện trạng: Tường trong ngoài nhà một vài vị trí bám bẩn gây mất thẩm mỹ;
- Cải tạo: Cạo 20% diện tích tường bám bẩn, vệ sinh 80% diện tích tường còn lại. Bả bột 20% diện tích tường cạo và sơn hoàn thiện 1 lớp lót 1 lớp phủ lại tường trong ngoài nhà đảm bảo thẩm mỹ quan;

e) Nhà vệ sinh:**● Hiện trạng:**

- Gạch lát hiện hữu sử dụng lâu ngày vỡ nát, ố màu, mất thẩm mỹ;
- Thiết bị vệ sinh hư hỏng và xuống cấp;
- Sơn tường bong tróc, rêu mốc;
- Cửa đi D1 hiện hữu rỉ sét, hư hỏng.
- Nhà vệ sinh chưa có trần gây mất thẩm mỹ và không đảm bảo vệ sinh;
- Hệ thống cấp thoát nước hư hỏng.

● Cải tạo:

- Tháo dỡ nền gạch lát hiện hữu, lát lại bằng gạch ceramic 300x300mm;
- Tháo dỡ gạch ốp tường, ốp lại gạch ceramic 300x600mm cao 1,5m;
- Tháo dỡ thiết bị vệ sinh hiện hữu, thay thế bằng thiết bị vệ sinh mới;
- Cạo tường, bả bột và sơn lại bằng sơn nước 1 lớp lót 2 lớp phủ;
- Tháo dỡ cửa đi D1 hiện hữu, thay mới bằng cửa nhôm xingfa;
- Thi công trần tấm nhựa 600x600mm;
- Đi lại hệ thống cấp, thoát nước.

f) Sân nền – mương nước:**● Bồn cây:**

- Phá dỡ 21 bồn cây kích thước 3000x3000mm và 06 bồn cây kích thước D2500mm đã hư hỏng xuống cấp;
- Xây dựng mới 30 bồn cây đường kính D3000mm, xây gạch ống 8x8x19mm VXM M75, mặt ngoài và trên bồn cây ốp gạch thẻ 100x300mm;

● Sân vườn:

- Cày phá 701.68m² diện tích bê tông lồi lõm và gây úng nước theo chi tiết thiết kế sân nền;
- Đắp tôn nền sân bằng 310,15m³ bê tông đá 1x2 M200;
- Lát gạch terrazzo 3.292,78m² sân nền theo thiết kế chi tiết;

● Mương thoát nước:

- Làm mới mương thoát nước theo thiết kế chi tiết;

+ Mương thoát nước đoạn 1: 24,8m mương, mương xây gạch thẻ 4x8x19mm cao 50cm. Nắp mương đáy đan BTCT M200 dày 10cm có lỗ thu D21;

+ Mương thoát nước đoạn 2: 105,89m mương, mương xây gạch thẻ 4x8x19mm cao 50cm. Nắp mương đáy đan BTCT M200 dày 10cm có lỗ thu D21;

+ Mương thoát nước đoạn 3: 21,4m mương, mương xây gạch thẻ 4x8x19mm cao 50cm. Nắp mương đáy đan BTCT M200 dày 10cm có lỗ thu D21;

+ Đoạn 4 và 5: Đào mương đặt ống HDPE D400 kết nối thoát nước từ các hố ga trong khu vực trường ra các hố ga hiện hữu ngoài đường;

+ Xây dựng mới 4 hố thu kích thước 1,2x1,2x1m thu nước từ các mương, hố thu xây gạch thẻ 4x8x19mm cao 50cm. Nắp mương đáy đan BTCT M200 dày 10cm có lỗ thu D21;

- Nạo vét tận dụng 54m mương hiện hữu kết nối thoát nước từ mương làm mới đến hố ga thu nước hiện hữu;

(Nội dung chi tiết kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4319-2012: Nhà và Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế.
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 4447-2012: Công tác đất, quy phạm thi công và nghiệm thu.
- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 7-2019/BKHCN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; các giá trị khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Tổng mức đầu tư: **7.500.000.000** đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm triệu đồng), Trong đó:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng | 6.365.629.162 đồng |
| - Chi phí QLDA | 224.000.000 đồng |
| - Chi tư vấn xây dựng | 587.726.625 đồng |

- Chi phí khác: 94.109.533 đồng
- Chi phí dự phòng: 228.534.680 đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND phường Minh Hưng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác: Phòng Văn hóa - Xã hội phường Minh Hưng thực hiện các kiến nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 497/P.KTHTĐT ngày 05/5/2026.

(Kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thẩm định tại Công văn số 497/P.KTHTĐT ngày 05/5/2026).

Điều 2. Phòng Văn hóa – Xã hội phường (là chủ đầu tư) có trách nhiệm triển khai, thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội phường; Trưởng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, TT.HĐND phường (b/c);
- CT, các PCT. UBND phường;
- Như Điều 3;
- Phòng KTHTĐT (3b);
- Phòng Văn hóa – Xã hội phường (10b);
- LĐVP, các CV;
- Lưu: VT (NKL).



CHỦ TỊCH

Lê Khắc Đồng